

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 1B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL** thời điểm 31/7/2025									Số công chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL								Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thời điểm 01/9/2025								HDLD hỗ trợ, phục vụ		
			Tổng số	Chia ra								Tổng số	Chia ra								Số được chấp thuận chủ trương				Số có mặt thực tế				Số được giao	Số có mặt thực tế
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Xã Đăk Pék	3	39	16	14	28	23	1	2	0	0	35	16	13	28	20	1	2	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2
a	Lãnh đạo HĐND và UBND	0	6	6	6							6	6	6																
b	Văn phòng HDND và UBND	3	9	2	2	7	7	0	0	0	0	9	2	2	7	7	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2
c	Phòng Kinh tế	0	8	2	2	11	5	1	1			9	2	2	11	6	1	1												
d	Phòng Văn hóa - Xã hội	0	8	2	1	8	7					8	2	1	8	7														
e	Trung tâm phục vụ hành chính công	0	6	2	1	1	4		1			2	2	1	1	0		1												
e	Ban Chỉ huy quân sự xã	0	2	2	2	1						1	2	1	1	0														

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 2B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2031
(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXX ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức giai đoạn 2026-2031									Lý do đề xuất (Bảo cáo các yếu tố đặc thù để đề xuất biên chế)
		Tổng số biên chế	Chia ra								
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xã Đắk Pék	38	14	13	25	24	1	1	0	0	Xã Đắk Pék là xã trung tâm của huyện Đắk Glei (cũ), có dân số đông, địa bàn rộng. Do đó, cần số lượng công chức như đề xuất để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
a	Lãnh đạo HĐND và UBND	6	6	6							
b	Văn phòng HĐND và UBND	3	0	0	3	3	0	0	0	0	01 biên chế phụ trách công tác Đối ngoại; ; 01 biên chế phụ trách công tác Tư pháp; 01 biên chế phụ trách công nghệ thông tin.
c	Phòng Kinh tế	13	2	2	11	10	1	1			
d	Phòng Văn hóa - Xã hội	10	2	2	8	8					
e	Trung tâm phục vụ hành chính công	3	2	1	2	2					
e	Ban Chỉ huy quân sự xã	3	2	2	1	1					

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẮK PÉK														Phụ lục 3B CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc																						
SỐ LIỆU BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG (Kèm theo Công văn số/UBND-VHXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)																																				
STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế viên chức được giao tương ứng với các VTVL thời điểm 31/7/2025										Số viên chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL										Về lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thời điểm 01/9/2025								HDLĐ hỗ trợ, phục vụ thời điểm 01/9/2025				
				Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Tổng số viên chức	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Số chỉ tiêu HDLD được cấp có thẩm quyền giao				Số lao động hợp đồng có mặt thời điểm báo cáo								
					VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			Hưởng lương từ NSNN		Hưởng lương từ NTSN	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chuyên môn dùng chung		Hưởng lương từ NTSN			Số được giao	Số có mặt thực tế	
					Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lương viên chức theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương viên chức theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương viên chức theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương viên chức theo VTVL	Số lương VTVL				Tổng số lương HDLD theo VTVL	Số lương VTVL	Tổng số lương HDLD theo VTVL	Số lương VTVL						Tổng số lương LDHĐ theo VTVL
																																Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	
	TỔNG SỐ																																			
A	DVSNCL DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐAM CHI THUỞNG XUYỀN																																			
	XÃ ĐẮK PÉK																																			
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo																																			
1.1	Trường Mầm non Đắk Glei	44	0%	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	43	2	3	4	37	5	3	3	0	0	1	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
1.2	Trường Mầm non xã Đắk Pék	44	0%	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	44	2	3	4	38	5	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Trường Tiểu học Kim Đồng	45	0%	45	2	3	6	38	6	4	3	0	0	45	2	3	6	38	6	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	33	0%	33	2	3	6	27	6	3	3	0	0	33	2	3	6	27	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	34	0%	34	2	3	6	28	6	3	3	0	0	34	2	3	6	28	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	43	0%	43	2	3	10	37	6	3	3	0	0	43	2	3	10	37	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.7	Trường THCS Chu Văn An	36	0%	36	2	3	7	29	6	4	3	0	0	35	2	3	7	28	6	4	3	0	0	1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
1.8	Trường THCS xã Đắk Pék	43	0%	43	2	3	7	37	6	4	3	0	0	43	2	3	7	36	6	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch																																			
2,1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	16	0%	16	2	1	13	13	1	1				15	2	1	13	13	1	1																
3	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																																			
3,1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	7	0%	5	2	2	5	2	1					5	2	2	5	3	1																	
B	DVSNCL TỰ BẢO ĐAM CHI THUỞNG XUYỀN																																			
	XÃ ĐẮK PÉK																																			
1	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																																			
1,1	Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích	0	100%	5	3	2	14	2	1	1			5	5	2	2	14	2	1	1																

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 4B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2026-2031
(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Tổng số biên chế	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031								Hưởng lương từ NTSN	Lý do đề xuất
				Hưởng lương từ NSNN									
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ												
A	ĐVSNCN DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN												
	XÃ ĐẮK PÉK												
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo												
1.1	Trường mầm non Đắk Glei	0%	53	2	3	4	40	5	4	3	6	0	1. Bổ sung vị trí chuyên ngành là 03 VTVL: Dự kiến tăng lớp trẻ dưới 3 tuổi đảm bảo tỷ lệ huy động, 2. Chuyên môn dùng chung bổ sung 1 vị trí nhân viên thư viện, do chưa có NV thư viện. 3. Vị trí hỗ trợ, phục vụ: Cần bổ sung: 01 nhân viên bảo vệ, 01 Nhân viên phục vụ, 04 nhân viên nấu ăn chưa được giao biên chế, do chưa có nhân viên bảo vệ, nấu ăn, phục vụ.
1.2	Trường mầm non xã Đắk Pék	0%	63	2	3	4	50	5	4	3	6	0	1. VTVL, chuyên ngành: Giai đoạn 2026- 2031 nhà trường tăng 1 lớp mẫu giáo và 2 lớp nhà trẻ , Theo đề án vị trí việc làm mỗi lớp mẫu giáo 2,2gv/1 lớp, nhà trẻ 2,5giáo/1 lớp. Đến năm 2031 nhà trường dự kiến có 19 lớp mẫu giáo, và 4 nhóm trẻ tương đương 50 chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: đề xuất 11 VTVL CDNN chuyên ngành GVMN hạng II hoặc III; 01 vị trí Hỗ trợ người khuyết tật 2. Chuyên môn dùng chung: Chưa có nhân viên thư viện: đề xuất 01 nhân viên thư viện. 3. VTVL phục vụ: chưa có nhân viên phục vụ, nấu ăn, bảo vệ: Đề xuất 01 nhân viên phục vụ; 04 nhân viên nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.3	Tiểu học Kim Đồng	0%	51	2	3	6	42	6	4	3	2	0	1. VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành còn thiếu, đề xuất 04 Vị trí cụ thể như sau: Đảm bảo đủ định mức 1,5 giáo viên/lớp (Bổ sung thêm 01 vị trí giáo viên Tiểu học hạng III hoặc hạng II để đảm bảo đạt 1,5 giáo viên/lớp); Giáo vụ (01 vị trí: 01 người). Tư vấn học sinh (01 vị trí: 01 người). Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật học hòa nhập (01 vị trí: 01 người). do chưa có VTVL nêu trên. 2. Vị trí hỗ trợ phục vụ còn thiếu: đề xuất 02 vị trí cụ thể: 01 Nhân viên phục vụ; 01 nhân viên bảo vệ
1.4	Tiểu học Lê Hồng Phong	0%	40	2	3	6	31	6	4	3	2	0	1.VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành đề xuất 4 vị trí chưa có cụ thể đề xuất: 01 vị trí giáo viên TH hạng III hoặc hạng II (do tăng lớp); 01 vị trí Hỗ trợ người khuyết tật; 01 vị trí Giáo vụ; 01 vị trí tư vấn học sinh 2. VTLV chuyên môn dùng chung: Thiếu nhân viên y tế, đề xuất bổ sung 01 nhân viên y tế 3. Vị trí hỗ trợ phục vụ còn thiếu: đề xuất 02 vị trí cụ thể: 01 Nhân viên phục vụ; 01 nhân viên bảo vệ
1.5	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	0%	36	2	3	6	27	6	4	3	2	0	1. Đối với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: Trường dư 04 giáo viên nhưng lại thiếu 03 biên chế ở các vị trí: Giáo vụ, Tư vấn học sinh và Hỗ trợ giáo dục khuyết tật. 2. Đối với các vị trí chuyên môn dùng chung: Trường thiếu 01 vị trí nhân viên Y tế học đường 3. Đối với VTVL Hỗ trợ, phục vụ: Trường thiếu 02 vị trí Nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ
1.6	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	0%	57	2	3	10	42	6	6	3	6	0	1. VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: thiếu 01 biên chế GV cấp THCS tính theo định mức GV/lớp (Năm học 2025-2026, Trường có 8 lớp cấp THCS nhưng có 14 GV, tăng 01 lớp so với năm học 2024-2025); thiếu vị trí tư vấn tâm lí HS: 01 biên chế; thiếu vị trí Thiết bị thí nghiệm: 01 biên chế; thiếu vị trí GV hỗ trợ học sinh khuyết tật: 01 biên chế; thiếu vị trí Giáo vụ: 01 biên chế 2. VTVL chuyên môn dùng chung: thiếu 1 vị trí quản trị công sở: 01 biên chế; thiếu vị trí Nhân viên thư viện: 01 biên chế; thiếu vị trí nhân viên thủ quỹ: 01 biên chế 3. VTVL hỗ trợ, phục vụ: thiếu vị trí nhân viên bảo vệ: 01 biên chế; thiếu vị trí nhân viên nấu ăn với 4 biên chế; thiếu vị trí nhân viên phục vụ: 01 biên chế

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.7	Trường THCS Chu Văn An	0%	41	2	3	7	33	6	4	3	1	0	1. VTVL Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành .Dự kiến giai đoạn 2026-2031 đơn vị tăng 01 lớp nền cần thêm 02 giáo viên; bổ sung 01 Giáo vụ; bổ sung 01 Tư vấn học sinh; bổ sung 01 Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 2. VTVL Hỗ trợ, phục vụ đang thiếu, cần bổ sung 01 nhân viên bảo vệ;
1.8	Trường THCS xã Đăk Pék	0%	52	3	3	7	43	6	5	3	1	0	1. VTVL CDNN chuyên ngành: Hiện thiếu 04 GV do tăng lớp học năm học 2024-2025, năm học 2026-2027 dự kiến tăng 01 lớp; chưa có, giáo vụ, tư vấn tâm lý, hỗ trợ khuyết tật. Đơn vị cần thêm 04 giáo viên; bổ sung 01 Giáo vụ; bổ sung 01 Tư vấn học sinh; bổ sung 01 Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 2. VTVLCDNN chuyên môn dùng chung: Cần bổ sung 01chuyên viên quản trị công sở 3. Nhóm Hỗ trợ phục vụ thiếu nhân viên bảo vệ. Đề xuất 01 nhân viên bảo vệ
2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch												
2,1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	0%	15	2	2	13	13	1	1				Giữ nguyên theo cơ cấu VTVL và số lượng viên chức hiện có mặt.
3	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												
3,1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0%	5	2	2	3	3						Giữ nguyên theo cơ cấu VTVL và số lượng viên chức hiện có mặt.
B	ĐVSNCL TỰ BẢO ĐAM CHI THƯỜNG XUYỀN												
	XÃ ĐẮK PÉK												
1	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												
1,1	Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích	100%	18	3	3	14	14	1	1			18	UBND tỉnh Kon Tum (cũ) tổ chức lại Ban QLDA&ĐTXH huyện Đăk Glei (cũ) và Trung tâm MT& DVĐT huyện Đăk Glei (cũ) thành Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Đăk Pék. Do đó đề đảm hoàn thành khối lượng công việc được giao, đơn vị đề xuất số lượng biên chế trong giai đoạn 2026-2031 như trên.

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU VIÊN CHỨC, NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG THỜI ĐIỂM 01/9/2025 VÀ ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2026-2031

(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Pék)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế sự nghiệp được giao tương ứng với các VTVL							Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số viên chức, người làm việc có mặt tại VTVL công chức thời điểm 01/9/2025						Số người làm việc VTVL hỗ trợ, phục vụ có mặt	Đề xuất số người làm việc tại VTVL công chức chuyển thành công chức	
		Tổng số biên chế	Chia ra							Tổng số biên chế	Chia ra							
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL			Tổng số lượng biên chế theo VTVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B	TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CẤP XÃ	0																
1	Văn phòng HĐND và UBND	0																
2	Phòng Kinh tế	0																
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	0																
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	0																
5	Ban Chỉ huy quân sự xã	0																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉK

Phụ lục 6A
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TỰ KHAI
(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Pék)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																				Văn bằng, chứng chỉ				
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp														Hiện giữ						Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch		
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên								Viên chức	Cấp xã				VTVL bố trí		Ngạch công chức tương ứng				Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	Ngạch được bổ nhiệm				Cán bộ		Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương					Nhân viên	
									CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương					Nhân viên	Ngạch												Bậc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Y Hồng Hạnh		18/9/1984		Gié - Triêng										x		Bí thư Đảng ủy xã Đắk Nhoong	1.004	6	HDND xã	Phó Chủ tịch HDND				x		Cử nhân	Hành chính học		
2	Y ĩnh		14/8/1985		Gié - triêng										x		PCT HDND Thị trấn Đắk Glei	Chuyên viên	3	HDND xã	Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội			x			Cử nhân	Luật		x
3	Vũ Văn Hiệp	11/23/1978		x											x		PCT HDND xã Đắk Pék	Chuyên viên	3	HDND xã	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách			x			Cử nhân	Luật		x
4	Nguyễn Thị Thương		4/4/1978		Gié - triêng		x	Phó Chủ tịch UBND huyện			x									UBND xã	Chủ tịch UBND			x			Thạc Sỹ	Quản lý Giáo dục		
5	Đỗ Đăng Dư	9/27/1986		x			x	Tài chính			x									UBND xã	Phó Chủ tịch UBND			x			Thạc Sỹ	Luật Kinh tế		
6	Trần Cường Thịnh	3/3/1983		x											x		Chủ tịch UBND thị trấn Đắk Glei	1.003	5	UBND xã	Phó Chủ tịch UBND kiêm Giám đốc Trung tâm nhac			x			Cử nhân	Luật Kinh tế		
7	Lê Thị Sầu		08/05/1979	x			x	Nội vụ			x									Văn phòng HDND-UBND	Chánh Văn phòng			x			Cử nhân	Kế toán		
8	Nguyễn Thiên Văn	13/8/1991		x			x	Văn phòng			x									Văn phòng HDND-UBND	Phó Chánh Văn phòng			x			Cử nhân	Kỹ thuật xây dựng		
9	Hồ Thị Huỳnh Ca		26/01/1983	x			x	Văn phòng				x								Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (văn thư)					x	Trung cấp	Văn thư		
10	Trương Thị Cẩm Vân		25/07/1994	x			x	Văn phòng			x									Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Thẩm định nội dung kinh tế)			x			Cử nhân	Kế toán		
11	Huỳnh Thị Kim Huệ		29/5/1982	x											x		Công chức Văn phòng - Thống kê	Chuyên viên	3	Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Công tác tổng hợp, báo cáo và kinh tế)			x			Cử nhân	Luật		x
12	Y Hà		09/05/1994		Gié - Triêng										x		Bí Thư Đoàn TNCSHCM	Cán sự	2,26	Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Thẩm định các nội dung liên quan đến thực hiện				x		Cử nhân	Luật		
13	A Phú	1/5/1987			Đê - Triêng										x		Chủ tịch Hội Nông dân	Chuyên viên	2,34	Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Thẩm định các nội dung liên quan đến thực hiện			x			Cử nhân	Luật		x
14	Hiêng Thi Hoan		02/01/1986		Gié triêng												Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Chuyên viên	3	Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Thẩm định các nội dung liên quan đến thực hiện			x			Cử nhân	Luật	x	
15	A Nghiêng	5/19/1986			Gié triêng												Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Chuyên viên	3	Văn phòng HDND-UBND	Lĩnh vực Văn phòng (Thẩm định các nội dung liên quan đến thực hiện			x			Cử nhân	Luật		x
16	Nguyễn Văn Tứ	05/02/1987		x			x	Giao thông			x									Kinh tế	Trưởng phòng			x			Cử nhân	Kinh tế xây dựng		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																						Văn bằng, chứng chỉ			
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp														Hiện giữ								Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch	
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên						Viên chức	Cấp xã				VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng						Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp			
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương		Cán sự và tương đương	Nhân viên	Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương					Cán sự và tương đương	Nhân viên	
						7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
17	Phạm Khắc Nghĩa	10/10/1976		x											x					Kinh tế	Phó Trưởng phòng			x			Cử nhân	Công tác xã hội		x	
18	Vũ Thị Thu Hải		06/06/1984	x			x	Tài nguyên và Môi trường				x								Kinh tế	Tài nguyên và Môi trường; Công thương			x			Thạc sỹ	Quản lý TN&MT		x	
19	H' Thay Kpă		2/2/1984		Gia Rai											x	Công chức Tài chính - Kế toán	Chuyên viên	3	Kinh tế	Tài chính			x			Cử nhân	Kế toán		x	
20	Trần Trọng Bình	24/06/1990		x			x	Dân tộc				x								Kinh tế	kế hoạch đầu tư, xây dựng, giao thông				x		Kỹ sư	kinh tế xây dựng			
21	Đỗ Thị Thanh Trúc		14/3/1991	x			x	Tài chính				x								Kinh tế	Tài chính				x		Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng		x	
22	Nguyễn Kim Phương		15/4/1983	x													Công chức Địa chính- Xây dựng- Đô thị và Môi trường	Chuyên viên	3,66	Kinh tế	Nông nghiệp			x			Kỹ sư	Thủy lợi		x	
23	Nguyễn Thị Kim Dung		6/10/1990	x												x	Công chức Địa chính- Xây dựng- Đô thị và Môi trường	Chuyên viên	3,33	Kinh tế	Thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã				x		Cử nhân	khoa học cây trồng		x	
24	Vũ Thị Kiều Phương		24/5/1992	x			x	Tài nguyên và Môi trường				x								Kinh tế	Tài nguyên và Môi trường				x		Cử nhân	Địa chính			
25	Y Ly Sa		01/12/1988		Xê đăng		x	Nông nghiệp				x								Văn hóa - Xã hội	Trưởng phòng				x		Cử nhân	Kinh tế phát triển		x	
26	Nguyễn Thành Công	01/10/1998		x			x	Nội vụ				x								Văn hóa - Xã hội	Nội vụ				x		Cử nhân	Luật Kinh tế			
27	Y Nhàn		3/16/1985		Gié triêng											x	Công chức Văn hóa - Xã hội	Chuyên viên	3,33	Văn hóa - Xã hội	Giáo dục-Đào tạo				x		Cử nhân	Kinh tế phát triển		x	
28	Phương Thị Liên		05/11/1982		Tây		x	Nội vụ					x							Văn hóa - Xã hội	Y tế					x	Cử nhân	Luật			
29	Đặng Thị Thanh Hoài		8/24/1981	x												x	Công chức Văn hóa - Xã hội	Chuyên viên	3,33	Văn hóa - Xã hội	Lao động				x		Cử nhân	Luật		x	
30	Đinh Y Tú Lệ		6/6/1999		Xê đăng		x	Hội Nông dân huyện					x							Văn hóa - Xã hội	Văn hóa, Thể thao và Du lịch				x		Kỹ sư	Lâm sinh			
31	Đinh Thị Mến		10/11/1989	x												x	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Chuyên viên	3	Văn hóa - Xã hội	Thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã				x		Cử nhân	Luật		x	
32	Phan Thị Hằng		7/7/1981	x			x	Nông nghiệp					x							Văn hóa - Xã hội	Dân tộc; Tôn giáo					x	Cử nhân	Kinh tế			
33	Vũ Thị Gấm		15/12/1989	x			x	Tài chính					x							Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phó Giám đốc				x		Thạc sĩ	Tài chính- Ngân hàng		x	
34	Võ Thị Mỹ Dung		26/02/1980	x			x	Tài chính					x							Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kế toán					x	Cử nhân	Kế toán			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																Văn bằng, chứng chỉ									
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp										Hiện giữ						Trình độ học vấn		Trình độ lý luận ch							
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên							Viên chức	Cấp xã			VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng						Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp			
						Ngạch được bổ nhiệm								Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương		Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương					Nhân viên		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương					Nhân viên	Ngạch												Bậc	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
35	A Ngừ	10/10/1979			Gié triêng											x	Chi huy trưởng BCHQS	Cán sự	2,06	Ban chỉ huy quân sự xã	Phó Chi huy Trưởng					x		Cao đẳng	Quân sự		x

Ghi chú:

- Mục 9 ghi một trong các lĩnh vực sau: (1) Văn phòng; (2) Tư pháp; (3) Đối ngoại; (4) Tài chính; (5) Kế hoạch và Đầu tư; (6) Xây dựng; (7) Giao thông; (8) Công Thương; (9) Nông nghiệp; (10) Tài nguyên và Môi trường; (11) Nội vụ; (12) Dân tộc; (13) Lao động; (14) Giáo dục và Đào tạo; (15) Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (16) Khoa học và Công nghệ; (17) Thông tin và Truyền thông; (18) Y tế; (19) Công nghệ thông tin; (20) Công nghệ công nghiệp và Công nghệ xây dựng; (21) Công nghệ nông nghiệp và Công nghệ chế biến nông sản; (22) Công nghệ dịch vụ; (23) Công nghệ quản lý và Công nghệ quản trị; (24) Công nghệ môi trường và Công nghệ năng lượng; (25) Công nghệ thông tin và Công nghệ truyền thông; (26) Công nghệ vật liệu và Công nghệ cơ khí; (27) Công nghệ chế tạo và Công nghệ cơ điện tử; (28) Công nghệ kỹ thuật và Công nghệ kỹ thuật điện tử; (29) Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Công nghệ kỹ thuật điện tử; (30) Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Công nghệ kỹ thuật điện tử; (31) Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Công nghệ kỹ thuật điện tử.

- Mục 18 ghi theo chức danh của cán bộ, công chức cấp xã.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[illegible]

	Ghi chú
hình trị	
Cao cấp	
32	33

tế; (19) Trung tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK PÉC

Phụ lục 6B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số...../UBND-VHXH ngày...tháng...năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Péc)

TT	Đơn vị	Tổng số người hiện có mặt	Nữ	Dân tộc khác	Chia theo độ tuổi						Chức vụ, chức danh công tác												Trình độ đào tạo					Trình độ LLCT			Tỷ lệ phù hợp với vị trí việc làm được bố trí
					Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp						Hiện giữ						Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	
											Cấp tỉnh		Cấp huyện		Viên chức	Cấp xã		Ngạch công chức tương ứng													
											Cán bộ	Công chức	Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
Tổng số		35	24	13	2	17	16	0	0	0	0	0	1	17	0	7	10	0	0	28	6	1	0	6	27	1	1	1	18	6	
1	Lãnh đạo HĐND, Ban HĐND	3	2	2		1	2									3				2	1				3				2	1	
2	Lãnh đạo UBND	3	1	1		1	2						1	1		1				3				2	1					3	
3	Văn phòng UBND và HĐND	9	6	4	0	6	3							4		2	3			7	2				8	0	1	1	5	1	
4	Phòng Kinh tế	9	6	1		5	4							5		1	3			9				3	6				5	1	
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	8	7	4	2	3	3							5			3			6	1	1			8				4		
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2	2			1	1							2						1	1			1	1				1		
7	Ban Chỉ huy quân sự	1		1			1										1								1				1		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

